

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2020

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019, BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP
NHẤT NĂM 2019 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 34/NQ-ĐHĐCĐ TN2020 ngày 01/6/2020 của ĐHĐCĐ thường
niên năm 2020 (nhiệm kỳ 2020-2024))*

**NỘI DUNG: BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019; BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM
2019 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN; KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020;
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM 2020; KẾ HOẠCH
CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2020 - 2025**

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:

St t	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019 (ĐHĐCĐ đã thông qua)	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu (Hợp nhất BCTC)	Đồng	1.820.000.000.000	1.192.120.423.323	65,50%
2	Lợi nhuận sau thuế (Hợp nhất BCTC)	Đồng	37.650.000.000	17.983.151.949	47,76%
3	Tỷ suất LNST/VCSH	%	16,34	5,55	33,97%
4	Thu nhập bình quân	Đồng/ người/ tháng	12.360.000	10.721.128	86,73%
5	Quỹ tiền lương	đồng	81.576.000.000	56.478.900.872	69,23%
6	Lao động bình quân	Người	550	439	79,82%

2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính năm 2019 hợp nhất đã được kiểm toán độc lập và đã được công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Tiến Hùng trình bày các nội dung trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phân tích một số nội dung liên quan trong BCTC hợp nhất kết thúc vào 31/12/2019.

3. Kế hoạch SXKD năm 2020; Kế hoạch đầu tư, đề tài nghiên cứu khoa học trong năm 2020; Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020-2025.

3.1 Kế hoạch SXKD năm 2020:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
1	Tổng doanh thu (Hợp nhất BCTC)	Đồng	1.732.000.000.000
2	Doanh thu ngoài VNPT	Đồng	587.000.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế (Hợp nhất BCTC)	Đồng	21.600.000.000
4	Tỷ suất LNST/VCSH (VNPT tính Vốn CSH = 230.341 triệu đồng).	%	9,38
5	Tỷ suất LNST/VCSH (Theo Báo cáo tài chính 2019 = 324.092 triệu đồng)	%	6,66
6	Cổ tức	%	15
7	Thu nhập bình quân	Đồng/ người/ tháng	12.191.666
8	Quỹ tiền lương	đồng	73.150.000.000
9	Lao động bình quân	Người	500
10	Trích quỹ Ban quản lý điều hành công ty (500 triệu đồng nhân (x) tỷ lệ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2020)	Đồng	500.000.000
11	Chi trách nhiệm Người Đại diện theo pháp luật (hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra) (0,5% LN KH (sau thuế) + 1% vượt LN KH (sau thuế)	Đồng	171.150.000

3.2. Kế hoạch Đầu tư, nghiên cứu khoa học trong năm 2020.

Ban TGD đề nghị ĐHĐCĐ xem xét việc “Ủy quyền cho HĐQT Công ty thẩm định các dự án đầu tư mua sắm, sửa chữa, thực hiện các đề tài nghiên cứu để chỉ đạo Ban Tổng giám đốc công ty triển khai thực hiện, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và hiệu quả đầu tư vốn nhằm hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2020 đã được ĐHĐCĐ giao”, cụ thể như sau :

Stt	Hạng mục đầu tư	Địa điểm đầu tư	Ước chi phí thực hiện /Khái toán (VND)	Mục tiêu	Nguồn vốn thực hiện
I	TỔNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2020		39.127.176.376		
II	Kế hoạch đầu tư tiếp tục thực hiện hoặc chuyển tiếp từ những năm trước sang năm 2020:		20.000.000.000		
1	Xây dựng Nhà làm việc của Chi nhánh miền Nam Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện (chuyển tiếp dự án)	CNMN	20.000.000.000	Mở rộng mặt bằng hoạt động kinh doanh và quản lý kinh doanh cho CNMN	Tự có, đi vay, huy động và các nguồn khác theo quy định của pháp luật

III	Kế hoạch đầu tư của năm 2020:		19.127.176.376		
1	Mua máy hàn laser	NM2	850.000.000	Nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm	Tự có, đi vay, huy động và các nguồn khác theo quy định của pháp luật
2	Bộ thả sợi quang (thả được 12 cuộn sợi)	NM2	600.000.000	Nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm	
3	Máy khắc chữ laser	NM2	100.000.000	Nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm	
4	Chi phí sửa chữa thiết bị	NM2	600.000.000	Đảm bảo hoạt động Sản xuất ổn định.	
5	Đầu tư một số thiết bị, phụ tùng thay thế, bảo dưỡng cho dây chuyền sản xuất của Nhà máy 3	NM3	2.782.783.886	Nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm	
6	Đầu tư các thiết bị phần cứng để thu nhập dữ liệu cho Nhà máy thông minh	NM3	2.094.392.490	Nâng cao năng lực sản xuất	
7	Máy ép phun (350 tấn)	NM4	1.000.000.000	Nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm	
8	Sửa chữa dây chuyền sản xuất ống nhựa PVC 1 lớp (xi lanh + trục)	NM4	200.000.000	Đảm bảo hoạt động Sản xuất ổn định.	
9	Sửa chữa dây chuyền sản xuất ống nhựa PVC 3 lớp (xi lanh + trục)	NM4	200.000.000	Đảm bảo hoạt động Sản xuất ổn định.	
10	Sửa chữa hệ thống máng nước xung quanh Xưởng I và Xưởng II	NM4	300.000.000	Đảm bảo hoạt động Sản xuất ổn định.	Tự có, đi vay, huy động và các nguồn khác theo quy định của pháp luật
11	Máy xếp cell tự động	NM5	500.000.000	Nâng cao năng lực sản xuất.	
12	Lợp tôn lấy ánh sáng xưởng 1 (xưởng ác quy)	NM5	200.000.000	Đảm bảo cơ sở vật chất để hoạt động	
13	Lợp tôn lấy ánh sáng xưởng 3 (xưởng đồng cũ)	NM5	300.000.000	Đảm bảo cơ sở vật chất để hoạt động	
14	Sửa chữa hàng rào mục hỏng	NM5	200.000.000	Đảm bảo công tác an ninh của nhà máy.	



15	Đầu tư mua sắm dây chuyền thiết bị sản xuất phụ kiện quang năm 2020	PDE	900.000.000	Mở rộng quy mô sản xuất các sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường.
16	Đầu tư dây chuyền lắp ráp và đo kiểm năng lượng sạch cho giai đoạn 2020-2021	PDE	5.600.000.000	Mở rộng quy mô sản xuất các sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường.
17	Nghiên cứu phát triển sản phẩm IoT Gateway	RD	200.000.000	Nghiên cứu sản phẩm mới để thu thập và xử lý dữ liệu từ xa cho các thiết bị trong các trạm PTS, tủ thiết bị ngoài trời ... và phát triển phần mềm hệ thống quản lý dữ liệu trung tâm.
18	Nghiên cứu phát triển sản phẩm Mạng xông cáp quang	RD	1.000.000.000	Nghiên cứu sản phẩm mạng xông cho cáp quang mới với các tính năng mới phục vụ các dự án ngầm hóa hệ thống hạ tầng viễn thông của các nhà mạng và hạ tầng thế hệ 5G.
19	Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới cho mạng viễn thông 5G	RD	500.000.000	Nghiên cứu sản phẩm mới chuẩn bị cho mạng viễn thông thế hệ mới 5G như: small cell, ăng ten BTS 5G...
20	Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới cho hiện đại hóa ngành Bưu chính	RD	500.000.000	Nghiên cứu sản phẩm mới tự động hóa cho ngành Bưu chính: Băng tải cải tiến, thiết bị đọc mã vạch, thiết bị RFID
21	Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới cho Nguồn và năng lượng tái tạo	RD	500.000.000	Nghiên cứu các sản phẩm mới trong lĩnh vực nguồn và năng lượng tái tạo phục vụ ngành Viễn thông: invertér, hệ thống thu thập thông tin các trạm solar từ xa.

3.3. Các chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2020-2025

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ BƯU ĐIỆN GIAI ĐOẠN 2020 – 2025

Trường hợp 1: Khi vốn Điều lệ Công ty đạt 504.491.140.000 đồng.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tốc độ tăng trưởng bình quân (%)
1	Tổng doanh thu	Triệu vnd	1.732.000	1.870.000	2.020.000	2.180.000	2.355.000	2.545.000	8,00%
2	Doanh thu ngoài VNPT	Triệu vnd	587.000	680.000	780.000	900.000	1.050.000	1.200.000	15,38%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu vnd	21.600	52.000	76.000	78.400	80.000	80.000	38,42%
4	Vốn chủ sở hữu (*)	Triệu vnd	230.341	540.532	540.532	540.532	540.532	540.532	
5	Tỷ suất LNST/ Vốn CSH	%	9,38%	9,62%	14,06%	14,50%	14,80%	14,80%	38,42%
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	15	10	12	12	15	15	2,33%

Trường hợp 2: Khi vốn Điều lệ Công ty đạt 194.300.060.000 đồng.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tốc độ tăng trưởng bình quân (%)
1	Tổng doanh thu	Triệu vnd	1.732.000	1.870.000	2.020.000	2.180.000	2.355.000	2.545.000	8,00%
2	Doanh thu ngoài VNPT	Triệu vnd	587.000	680.000	780.000	900.000	1.050.000	1.200.000	15,38%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu vnd	21.600	24.192	26.853	29.806	33.084	36.723	11,20%
4	Vốn chủ sở hữu (*)	Triệu vnd	230.341	230.341	230.341	230.341	230.341	230.341	
5	Tỷ suất LNST/ Vốn CSH	%	9,38%	10,50%	11,66%	12,94%	14,36%	15,94%	11,20%
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	15	10	10	11	14	15	2,22%

NỘI DUNG: PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2019; THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019; PHƯƠNG ÁN THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020.

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất Công ty	27.487.468.894
1.1	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	9.504.316.945
2	Tổng lợi nhuận sau thuế toàn công ty	17.983.151.949
3	Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019	
3.1	Trả cổ tức 5% bằng tiền	9.715.003.000
3.2	Trích quỹ ban điều hành Công ty	238.800.000
3.3	Chi trách nhiệm người đại diện theo pháp luật	81.741.240
3.4	Thù lao HĐQT & BKS năm 2019	305.587.202
3.5	Trích Quỹ khen thưởng	1.798.259.861
3.6	Trích Quỹ phúc lợi	1.798.259.861
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	4.045.500.785

+ Thời hạn thanh toán cổ tức năm 2019 bằng tiền 5%: Công ty sẽ thanh toán vào ngày 15/08/2020 (Thực hiện đúng theo quy tại Khoản 4 Điều 132 Luật Doanh nghiệp).

2. Thù lao HĐQT và BKS năm 2019

STT	Đơn vị	Số lượng thành viên	Thù lao HĐQT & BKS đã được ĐHĐCĐ 2019 phê duyệt (đồng)	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch của lợi nhuận sau thuế năm 2019(đồng)	Thù lao năm 2019 được hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)*(5)
1	Hội đồng quản trị	7	478.319.500	47,76%	228.445.393
2	Ban kiểm soát	3	161.519.700	47,76%	77.141.809
	Cộng	10	639.839.200		305.587.202

3. Phương án thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020.

Căn cứ xây dựng:

- Căn cứ Kế hoạch SXKD năm 2020
- Nghị định 90/2019/NĐ-CP về việc tăng lương tối thiểu vùng từ ngày 01/01/2020.
- Số lượng thành viên HĐQT dự kiến là sáu (06) người; Ban kiểm soát là ba (03) người.
- Phương án thù lao của HĐQT và BKS năm 2020 dự kiến thông qua như sau:



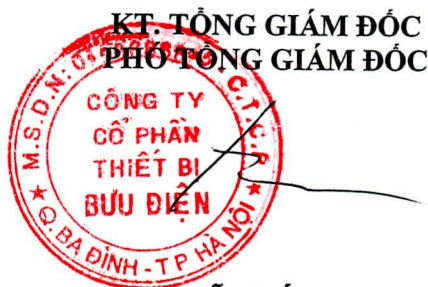
Stt	Đơn vị	Đơn vị tính	Thù lao năm 2020
(1)	(2)	(3)	(4) = 1,7%* LNST (21,6 tỷ)
1	Hội đồng quản trị	Đồng	283.600.000
2	Ban kiểm soát	Đồng	83.400.000
	Tổng cộng	Đồng	367.000.000

Quyết toán:

- Trường hợp hoàn thành (bằng kế hoạch giao) chi tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2020 thì thù lao HĐQT và BKS bằng mức dự kiến ở trên.
- Thù lao HĐQT trong trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện lớn hơn kế hoạch giao thì cứ 1% (một phần trăm) lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch thì được tăng tối đa 2% (hai phần trăm); Tổng quỹ thù lao của HĐQT và BKS tối đa không quá 20% mức tiền lương thực hiện của Người quản lý chuyên trách năm 2020 (bao gồm thành viên chuyên trách HĐQT, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên ban kiểm soát chuyên trách).
- Thù lao HĐQT trong trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện nhỏ hơn kế hoạch giao thì cứ 1% lợi nhuận sau thuế giảm so với kế hoạch thì giảm 1% so với mức hoàn thành kế hoạch.
- Trong trường hợp Công ty lỗ: Không chi thù lao.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ TN2020;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu VT.



Nguyễn Tiến Hùng